

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH H**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ -ST  
Ngày: 02/6/2023.  
(V/v Xin ly hôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 02 tháng 6 năm 2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K  
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***\*/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu H1.

***\*/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Quang T và bà Lê Thị O

***\*/ Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trang V –Thư ký.

***\*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Tuấn A - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 26/5/2023 giữa các đương sự:

***\*/ Nguyên đơn:*** **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1995; Đăng ký HKTT: Xóm B, thôn T1, xã T2, huyện K, tỉnh H; Hiện trú tại: Thôn N, xã P, huyện K, tỉnh H (*Vắng mặt có lý do*).

***\*/ Bị đơn:*** **Anh Hoàng Văn H2**, sinh năm 1990; Đăng ký HKTT và trú tại: Xóm B, thôn T1, xã T2, huyện K, tỉnh H (*Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do*).

***\*/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

**- Cháu Hoàng Hà A1**, sinh ngày 14/10/2016;

Đăng ký HKTT: Xóm B, thôn T1, xã T2, huyện K, tỉnh H; Hiện trú tại: Thôn N, xã P, huyện K, tỉnh H (*Vắng mặt có lý do*).

Giám hộ cho cháu Hoàng Hà A1 là anh Hoàng Văn H2 và chị Nguyễn Thị M – Bố, mẹ đẻ của cháu.

***\*/ Người làm chứng:***

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1967;

Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn N, xã P, huyện K, tỉnh H.

2. Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1962.

Đăng ký HKTT và trú tại: Xóm B, thôn T1, xã T2, huyện K, tỉnh H

(*Đều vắng mặt có lý do*).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 13/3/2023, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị M kết hôn với anh Hoàng Văn H2, sinh năm 1990 là người ở Xóm B, thôn T1, xã T2, huyện K, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện và được tự do tìm hiểu, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã T2, huyện K, vào ngày 19/4/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Xóm B, thôn T1, xã T2. Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm lối sống, anh H2 thường xuyên rượu chè dẫn đến say xỉn và không quan tâm đến vợ con. Tuy nhiên vì nghĩ cho con cái nên chị M vẫn cố gắng chung sống với anh H2 cho con có đủ cả bố và mẹ. Cuộc sống cứ diễn ra như vậy đến đầu năm 2017 thì vợ chồng lên H2 Nội làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà ở Xóm B, xã T2. Anh H2 vẫn chứng nào tật nấy vẫn thường xuyên rượu chè, say xỉn, lè nhè về cả khía cạnh với chị M. Mỗi khi vợ chồng cãi nhau thì anh H2 luôn là người cố chấp có khi cả tháng không nói với vợ một câu, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không sinh hoạt chung, không ăn chung, ngủ cùng giường nhưng ngoảnh lưng vào nhau. Sự việc như vậy diễn ra thường xuyên khiến chị M luôn trong tình trạng mệt mỏi. Cách đây khoảng 06 tháng sau khi vợ chồng cãi nhau vì anh H2 rượu chè vợ khuyên bảo nhưng không nghe, anh H2 đã đuổi vợ đi nên chị M đã dọn ra ngoài sống ly thân với anh H2, Kể từ khi ly thân hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Anh H2 nói với chị M cứ giải quyết ly hôn đơn phương, anh sẽ không đến Tòa làm việc và cũng không còn tình cảm với chị M. Do vậy, chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H2 để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Hà A1, sinh ngày 14/10/2016 hiện đang sống cùng chị M tại nhà ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu Hà A1 cho đến khi cháu khôn lớn trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với hai bên gia đình:* Chị M không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện K đã nhiều lần triệu tập anh Hoàng Văn H2 đến trụ sở TAND huyện K để viết bản tự khai, trình bày quan điểm về việc chị M xin ly hôn anh, tuy nhiên anh H2 dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không trình bày quan điểm của mình.

- Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Hoàng Hà A1 trình bày quan điểm nếu chị M và anh H2 ly hôn nhau thì cháu H2 Anh xin được ở với chị Nguyễn Thị M.

- Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị K1 – Mẹ đẻ của anh H2 trình bày: Bà K1 thừa nhận hoàn cảnh, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung

sống, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân giữa chị M và anh H2 như chị M trình bày là đúng. Anh H2 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương xã T2, tuy nhiên do bận công việc nên mặc dù biết có giấy triệu tập của Tòa án về việc giải quyết ly hôn nhưng anh H2 không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án được. Anh H2 nhất trí ly hôn với chị M và nhất trí để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu Hoàng Hà A1. Vì bận công việc nên bà K1 xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết xét xử vụ án.

- Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Trần Thị L – Mẹ đẻ của chị M trình bày: Bà L thừa nhận hoàn cảnh, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân giữa chị M và anh H2 như chị M trình bày là đúng. Vì bận công việc nên bà L xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết xét xử vụ án.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Hoàng H2 Anh có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa; Những người làm chứng là bà Nguyễn Thị K1 và bà Trần Thị L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn anh Hoàng Văn H2 đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ vào các ngày 26/5/2022 và 02/6/2022 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu:***

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của BLTTDS 2015.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M; Giao cháu Hoàng Hà A1, sinh ngày 14/10/2016 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hà A1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: không đặt ra xem xét giải quyết; Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

**[1]. Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị TAND huyện K giải quyết ly hôn cho chị và anh Hoàng Văn H2 hiện đang sinh sống tại Xóm B, thôn T1, xã T2, huyện K, tỉnh H. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Hoàng Văn H2 đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Hoàng Hà A1; Những người làm chứng là bà Nguyễn Thị K1 và bà Trần Thị L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đã có quan điểm xin được giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị M kết hôn với anh H2 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2 vào năm 2013 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị M và anh H2 đã nảy sinh mâu thuẫn do anh H2 rượu chè say sưa, không quan tâm đến vợ con, chị M cũng đã nhiều lần vì con mà nhẫn nhịn vun vén hạnh phúc gia đình cho anh H2 cơ hội để sửa đổi bản thân nhưng anh H2 vẫn chứng nào tật nấy. Trong suốt thời gian sống ly thân hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, anh H2 cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải điều đó chứng tỏ anh H2 không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Chị M xác định đời sống hôn nhân của chị và anh H2 không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị M làm đơn xin ly hôn với anh H2 để ổn định cuộc sống.

Theo xác minh tại địa phương xã T2 và người thân trong gia đình chị M, anh H2 thì thấy rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng hiện đang sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Sau khi Tòa án nhân dân huyện K thụ lý vụ án ly hôn giữa chị M và anh H2 thì Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và nhiều lần gửi giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho anh H2 để anh H2 biết, đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện K viết bản tự khai hoặc trình bày lời khai và tham gia phiên hòa giải. Bản thân anh H2 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên có mặt tại địa phương xã T2, biết được nội dung thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, anh vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Bên cạnh đó Tòa án nhân dân (TAND) huyện K đã liên lạc trực tiếp với anh Hoàng Văn H2 thông qua số điện thoại mà người thân trong gia đình anh H2 cung cấp trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Môn –Trưởng thôn T1 thì anh H2 có trình bày là anh có cho biết việc chị M xin ly hôn và anh H2 cũng xác định không còn tình cảm với chị M nên cũng nhất trí ly hôn với chị M đồng thời nhất trí để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng chăm

sóc cho cháu Hoàng Hà A1 và từ chối tất cả các quyền, trong đó có quyền tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]. Về con chung:** Xét nguyện vọng của chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng H2 Anh cho đến khi cháu Hà A1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì thấy rằng hiện cháu Hà A1 đang sống với chị M ổn định được chị chăm sóc chu đáo. Vì vậy, cần giữ nguyên tình trạng con chung, giao cháu H2 Anh cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hà A1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì sẽ đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp với giới tính, nguyện vọng của cháu và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H2 có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định tại Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:** Chị M không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết, còn anh H2 thì cố tình không khai báo quan điểm, yêu cầu của mình. Nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này chị M, anh H2 có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

**[5]. Về án phí:** Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp tại biên lai thu số 0008175 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên chị M đã thi hành xong án phí của mình.

**[6]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1]. Áp dụng:** Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn H2.

[3]. *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Hà A1, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hà A1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc đóng góp phí tổn nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H2 có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị M đã nộp tại biên lai thu số 0008175 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi H2nh án dân sự huyện Knên chị M đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu H1**